TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Kiên
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Q; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh Trương Hồng D; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Hồng D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2018 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau một thời gian chung sống mà vợ chồng không có con chung nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hạnh phúc không trọn vẹn. Thêm vào đó, anh D không chịu khó làm ăn mà thường xuyên rượu chè rồi chửi bới, đánh đập chị. Không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên chị đã ra ở riêng từ tháng 3 năm 2019 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2020, anh Trương Hồng D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng tình cảm hòa thuận bình thường. Tuy nhiên, sau một thời gian dài chung sống mà vợ chồng không có con chung nên hạnh phúc không được trọn vẹn. Mặt khác, do đặc thù công việc của anh thường xuyên phải làm xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai bên đều đã cố gắng nên vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không cải thiện được. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Duy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[2]. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, chị Q và anh D vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q và anh D.

[4]. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Q và anh Trương Hồng D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Thêm váo đó, sau một thời gian chung sống mà vợ chồng không có con chung nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hạnh phúc không trọn vẹn. Chị Q và anh D đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này, cả chị Q và anh D đều thừa nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Nay chị Q và anh D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị Q được ly hôn anh Trương Hồng D.

[5].Về con chung:Vợ chồng không có con chung, chị Q và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản: Chị Q và anh D không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Chị Ngô Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Q được ly hôn anh Trương Hồng D.

Về án phí: Chị Ngô Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2018/0002736 ngày 21/5/2020, chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Ngô Thị Q và anh Trương Hồng D. Chị Q và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc